

## HOSE 23/09/2014

VNINDEX 610.39 **-1.53 -0.25%**

KLGD 144,390,593 CP  
GTGD 2,829.32 Tỷ  
GTR NDTNN 215.75 Tỷ

CP Tăng giá 120 CP  
CP Giảm giá 91 CP  
CP Đứng giá 93 CP



## Tâm điểm

- ▶ **Nhà đầu tư vẫn cần thận trọng với nhịp điều chỉnh này**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,900 tỷ đồng
- ▶ **CPI tháng 9 tại Tp.HCM tăng vọt hơn 1%**  
Như vậy, sau 9 tháng, CPI của thành phố đã tăng 2.41%  
Vneconomy
- ▶ **Tín dụng tại Hà Nội tăng đột biến trong tháng 9**  
Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 1,124.7 nghìn tỷ Infonet
- ▶ **Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm**  
Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Nhà nước SBV
- ▶ **JVC: Dự kiến lợi nhuận sau thuế quý 3 đạt 60 tỷ đồng**  
Nếu đúng như dự tính của công ty, lũy kế 9 tháng đầu năm, JVC thu lãi ròng 82 tỷ Người Đồng Hành
- ▶ **CII: Sẽ vượt kế hoạch kinh doanh 2014 ngay trong quý 3**  
CII vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2014 nhờ chuyển nhượng CII B&G Đầu tư Chứng khoán

## HNX 23/9/2014

HNXINDEX 87.75 **-0.48 -0.54%**

KLGD 75,269,859 CP  
GTGD 1,108.32 Tỷ  
GTR NDTNN 12.56 Tỷ

CP Tăng giá 98 CP  
CP Giảm giá 113 CP  
CP Đứng giá 168 CP



## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,093,518	15.3	3.3	19.8%	10.7%
HNX	143,988	14.7	1.8	9.3%	4.5%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,237,506</b>	<b>17.0</b>	<b>3.2</b>	<b>19.0%</b>	<b>10.1%</b>

### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	7,368	6.7	0.9	13.6%	9.0%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,161	9.2	1.5	16.5%	11.1%	
Thép và sản phẩm thép	38,059	16.6	2.1	20.5%	9.5%	
Khai khoáng	12,192	64.5	5.6	0.3%	0.0%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,245	16.4	1.5	11.4%	7.5%	
Xây dựng	32,035	47.2	1.3	-1.2%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,776	9.3	1.4	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,923	8.6	1.5	18.9%	13.6%	
Lốp xe	8,535	10.6	3.1	27.5%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	20,690	11.8	1.8	16.8%	6.2%	
Thực phẩm	199,259	24.4	4.8	20.6%	16.1%	
Dược phẩm	15,131	10.5	2.9	24.8%	16.4%	
Phần mềm	18,522	11.5	2.4	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	25,719	-	6.1	1.4	-14.4%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	220,978	18.1	5.9	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	27,355	22.4	2.4	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	27,929	14.1	1.6	9.5%	7.0%	
Ngân hàng	239,760	11.1	1.2	10.6%	0.9%	
Bất động sản	169,603	17.4	3.0	21.5%	5.2%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	53,205	12.0	2.6	22.6%	9.5%	

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 658.31 5.12 0.78%  
HNX30 180.70 0.23 0.13%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

### VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Bà Trưng  
Hà Nội  
Việt Nam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

### CPI tháng 9 tại Tp.HCM tăng vọt hơn 1%

Cục Thống kê Tp.HCM vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2014 của thành phố đã tăng 1.13% so với tháng trước và tăng 3.16% so với cùng tháng năm trước. Như vậy, sau 9 tháng, CPI của thành phố đã tăng 2.41%. Cũng giống như tháng 9 năm ngoái, CPI tháng 9 năm nay có bước nhảy vọt tăng mạnh mẽ ở mức cao hơn rất nhiều lần so với mức tăng của các tháng khác trong năm 2014 nhờ vào lực đẩy mạnh mẽ từ học phí. Được biết, tháng 9 năm nay, một số cấp học tiếp tục điều chỉnh học phí theo kế hoạch để sát với khung học phí chung.

### Tín dụng tại Hà Nội tăng đột biến trong tháng 9

Theo báo cáo của Cục Thống kê Hà Nội, ước đến cuối tháng 9/2014, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 1,124.7 nghìn tỷ đồng, tăng 0.5% so cuối tháng trước và tăng 7.5% so cuối năm 2013, trong đó, tiền gửi tiết kiệm tăng 1.2% và tăng 5.6%, tiền gửi thanh toán giảm 0.1% và tăng 6.8%. Tổng dư nợ cho vay tháng 9 ước đạt 975.2 nghìn tỷ đồng, tăng đột biến tới 4% so cuối tháng , nâng tổng mức tăng tín dụng 9 tháng đầu năm lên 3.2%. Trong đó dư nợ ngắn hạn tăng 5.9% và tăng 0.2%, dư nợ trung và dài hạn tăng 0.2% và tăng 9.7%.

### Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tổng doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ bằng VND đạt xấp xỉ 91,953 tỷ đồng, bình quân khoảng 18,391 tỷ đồng/ngày; bằng USD quy đổi ra VND đạt 75,335 tỷ đồng bình quân khoảng 15,067 tỷ đồng/ngày. Đối với các giao dịch bằng VND, lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường trong tuần có xu hướng đi xuống ở đa số các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm trong tuần đứng ở mức 1.88%/năm, giảm 1.11%/năm so với tuần từ 03 – 06/9/2014. Lãi suất bình quân các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống còn lại dao động trong khoảng từ 2.30% đến 3.42%/năm.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

### JVC: Dự kiến lợi nhuận sau thuế quý 3 đạt 60 tỷ đồng

Trao đổi trong buổi họp cổ đông bất thường 2014, Công ty Cổ phần Y tế Việt Nhật (HOSE: JVC) cho biết kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 tăng trưởng tốt nhờ sự gia tăng doanh thu từ 3 hoạt động kinh doanh chính. Cụ thể, doanh thu bán hàng tăng trưởng tốt, các dự án liên kết bắt đầu đi vào hoạt động cuối năm 2013, trong 6 tháng 2014 đã đi vào hoạt động ổn định, doanh thu tăng đều và cao hơn các tháng cuối năm 2013, bên cạnh đó giá vốn khấu hao các dự án đó không thay đổi. JVC cũng cho biết dự kiến trong quý 3/2014, doanh thu ước tính đạt khoảng 300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến khoảng 60 tỷ. Trong khi cùng kỳ năm trước, lợi nhuận quý 3 chỉ khoảng hơn 10 tỷ đồng. Nếu đúng như dự tính của công ty, lũy kế 9 tháng đầu năm, JVC thu lãi ròng 82 tỷ đồng, hoàn thành 58% kế hoạch đề ra.

### CII: Sẽ vượt kế hoạch kinh doanh 2014 ngay trong quý 3

CTCP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (HOSE: CII) vừa công bố thông tin về việc chuyển nhượng cổ phiếu tại CTCP Đầu tư cầu đường CII (HOSE: LGC). Tổng giám đốc CII - ông Lê Quốc Bình cho biết, Công ty đã hoàn tất việc giảm tỷ lệ sở hữu tại LGC từ 81.7% xuống 57.63% sau khi đã chuyển nhượng thành công hơn 6.9 triệu cổ phiếu LGC. Trước đó, CII đã có 2 lần đăng ký bán cổ phiếu LGC với số số lượng lần lượt là gần 1.5 triệu và hơn 5.4 triệu cổ phiếu. Tính theo giá thị trường thì giá trị toàn bộ số cổ phiếu này gần 145 tỷ đồng. Theo ông Bình, các thương vụ trên đã đem lại lợi nhuận khả quan trong quý 3/2014 và góp phần để CII hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2014 ngay trong quý 3 này.

### CTS: Sẽ bán tối đa 1.29 triệu cổ phiếu quỹ

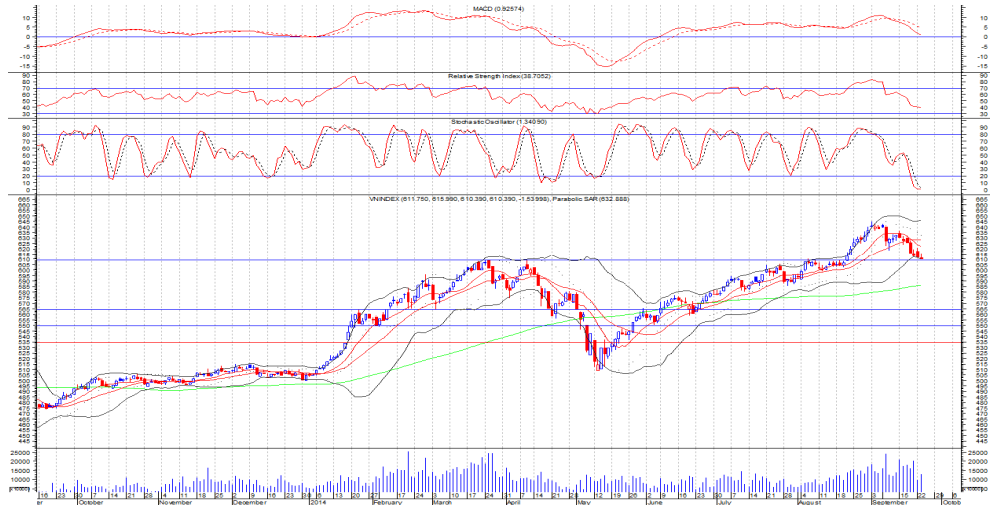
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (HNX: CTS) dự kiến bán tối đa 1.29 triệu cổ phiếu quỹ để cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư. Giao dịch dự kiến được thực hiện từ 30/9 đến 22/10/2014 thông qua phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán tối thiểu là 10,000 đồng/CP. Trước đó, CTS cũng từng đăng ký bán 1.29 triệu cổ phiếu quỹ nhưng không thành công do diễn biến giá cổ phiếu trên thị trường thấp hơn mức giá bán được phê duyệt. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu CTS bình quân dao động trong biên độ 9,300 – 11,300 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 1,001,647 đơn vị.

**HOSE** 23/09/2014 VNINDEX 610.39 -1.53 -0.25% 144,390,593 CP 2,829.32 bil VND

### Nhà đầu tư vẫn cần thận trọng với nhịp điều chỉnh lần này

VN-Index giảm 1,54 điểm (-0.25%), đóng cửa tại mức 610,39 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của thị trường.

- MACD tiếp tục đi xuống và đây là tín hiệu khá xấu.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và nhiều khả năng cho tín hiệu mua trở lại.
- MA10, MA20 đã bị phá vỡ. VN-Index chạm đường Bollinger Bands phía dưới và vẫn bám đường này đi xuống.
- Chỉ số VN-Index đang điều chỉnh về vùng hỗ trợ 610 điểm.



### HOSE Top 5 theo KLGD

SAM	0.7 (5.8%)	12,695,790
FLC	0.1 (0.9%)	11,748,320
ITA	0.3 (3.6%)	7,780,960
KBC	0.9 (6.7%)	6,575,370
LGC	1.4 (6.7%)	4,715,180

### HOSE Top 5 theo % tăng

AGM	0.8 (7.0%)	2,760
HAI	2.4 (6.9%)	443,970
CDC	0.6 (6.8%)	641,070
TMS	2.2 (6.7%)	10
KSH	1.2 (6.7%)	802,350

### HOSE Top 5 theo % giảm

PXS	-2.5 (-6.9%)	1,750,450
VLF	-0.4 (-6.9%)	3,110
VNG	-0.6 (-6.7%)	1,000
PXI	-0.7 (-6.7%)	774,620
AGF	-1.6 (-6.7%)	53,050

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	147,0 tỷ	1,467,190
HPG	30,0 tỷ	523,280
KDC	29,6 tỷ	490,600
SAM	17,9 tỷ	1,392,000
ITA	12,2 tỷ	1,420,050

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

MSN	-58,6 tỷ	710,540
GAS	-20,2 tỷ	182,190
JVC	-18,4 tỷ	1,189,900
HT1	-5,1 tỷ	332,270
SSI	-4,8 tỷ	168,750

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	7,229,880	215.75

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chứng kiến sự giằng co mạnh giữa bên mua và bán. Dòng tiền phân hóa khá rõ nét, nhóm BĐS hút dòng tiền mạnh. Lực bán lại gia tăng vào cuối phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 131 triệu đơn vị. Đây vẫn là mức chấp nhận được, nó cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 215 tỷ. Trong đó tập trung nhiều ở PVD với lượng mua hơn 147 tỷ, ngoài ra khối này mua nhiều ở HPG, KDC.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. VN-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 610 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 600 điểm.
- ▶ NĐT vẫn nên thận trọng ở nhịp điều chỉnh này nếu VN-Index phá vỡ vùng hỗ trợ 610 điểm, NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	18.5	6.1	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	108.0	108,012.81	17.6	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,403.3	56.0	78,586.11	16.0	4.4	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	26.8	71,422.54	15.5	1.6	10.6%	1.0%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	-1,492.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.8	38,794.60	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	100.0	30,303.69	13.1	2.8	22.7%	10.7%
BVH	680.5	41.0	27,899.33	22.4	2.4	10.2%	2.1%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	9.7	2.6	28.3%	12.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

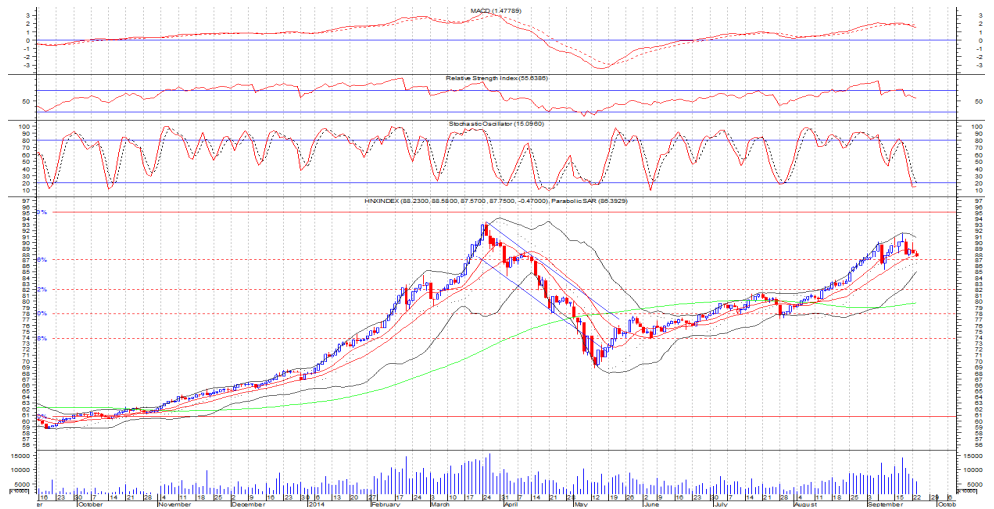
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.0	4,349.58	18.7	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.5	18,054.45	11.4	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.5	2,368.30	7.8	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.4	646.07	2.6	1.0	NA	TH.DOI

**HNX**      23/09/2014      HNX-Index      87.75      -0.48      -0.54%      75,269,859 CP      1,108.32 bil. VND

### Nhà đầu tư vẫn cần thận trọng với nhịp điều chỉnh lần này

Chỉ số HNX-Index giảm 0.48 điểm (-0.54%), đóng cửa tại mốc 87.75 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, cây nến thể hiện sự lưỡng lự mạnh của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và nhiều khả năng sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 55.
- MA20 đóng vai trò hỗ trợ tốt cho HNX-Index trong phiên.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	Giá
PVX	0.1 (1.6%)	6,999,720
KLF	0 (0.0%)	5,132,100
SCR	0.2 (2.1%)	3,506,860
KLS	-0.1 (-0.8%)	3,365,020
PVS	-1 (-2.4%)	3,364,300

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
TVC	3.7 (29.6%)	12,000
S55	6.8 (10.0%)	24,170
ASA	2.1 (10.0%)	954,600
PSD	5.3 (9.9%)	35,320
PRC	1.1 (9.6%)	200

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
NHC	-2.9 (-9.9%)	100
TMX	-1 (-9.8%)	200
NHA	-0.6 (-9.5%)	2,200
HBS	-0.6 (-9.2%)	32,200
PID	-0.5 (-9.1%)	300

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá mua ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
SHB	12,3	1,337,700
PVS	4,8	116,400
SD9	1,6	102,000
ITQ	0,5	56,300
DXP	0,5	10,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá bán ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
PVC	-5,0	130,100
VND	-2,9	178,700
LAS	-1,0	29,300
PMC	-0,3	4,900
DBC	-0,2	6,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,445,511	12.56

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chứng kiến sự giằng co mạnh giữa bên mua và bán. Dòng tiền phân hóa khá rõ nét, nhóm BĐS hút dòng tiền mạnh. Lực bán lại gia tăng vào cuối phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 60 triệu đơn vị. Khối lượng liên tục sụt giảm cho thấy dòng tiền vẫn đang khá thận trọng trong nhịp điều chỉnh này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 12,57 tỷ. Tập trung bán nhiều ở VND, PVC. Trong khi mua nhiều ở SHB, PVS.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. HNX-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 87 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 85 điểm.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu HNX-Index phá vỡ vùng 87 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	41.2	18,404.06	10.6	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.4	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.5	5,963.09	10.4	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.4	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	20.8	2,726.38	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	34.6	2,692.99	6.9	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	22.9%	15.2%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.2	1,375.60	9.1	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.2	1,619.98	14.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.7	1,835.00	11.8	2.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.0	362.25	7.3	1.6	NA	TH.DOI



**FTSE Vietnam (UCITS ETF)**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	13.73%	82.5	#####	4.24	302,198	288,019	253,476
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	13.68%	56.0	15.99	4.36	2,161,557	2,380,596	1,283,331
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.62%	57.5	9.73	2.56	985,116	1,115,042	950,426
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	9.64%	100.0	13.05	2.76	1,023,995	673,542	455,232
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	8.07%	24.2	16.45	1.41	3,593,185	3,717,071	2,909,590
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.65%	19.2	7.71	1.24	662,347	529,221	377,568
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	6.07%	26.8	15.53	1.61	543,333	631,952	408,819
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	5.32%	31.0	9.21	1.31	1,655,331	1,971,966	1,220,586
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.07%	8.7	65.09	0.77	10,284,266	10,828,189	6,571,135
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	2.45%	41.0	22.39	2.35	435,796	302,304	199,594
KBC	HOSE	389.8	5,612.55	2.33%	14.4	23.04	1.03	3,970,926	3,606,798	2,012,969
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.28%	43.0	12.88	1.77	221,422	282,042	169,412
GMD	HOSE	116.1	4,099.67	1.97%	35.3	8.19	0.86	1,359,046	947,531	437,213
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.58%	14.7	14.16	1.11	808,336	998,811	776,233
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	1.47%	26.0	16.91	1.64	1,363,058	1,075,572	744,766
CSM	HOSE	67.3	3,048.33	1.45%	45.3	8.38	2.53	419,718	360,928	372,214
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.34%	59.5	13.31	3.61	352,285	290,485	259,147
HVG	HOSE	132.0	4,052.39	1.24%	30.7	33.94	1.71	2,810,717	2,006,852	1,103,459
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.16%	17.0	18.66	1.54	3,241,190	2,712,446	2,021,529
DIG	HOSE	178.7	2,430.91	1.06%	13.6	63.74	0.98	905,160	619,399	332,996
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.82%	11.2	40.97	1.05	3,606,843	3,760,314	2,263,676

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

**Market Vectors Vietnam ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.67%	19.2	7.71	1.24	662,347	529,221	377,568
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	7.43%	82.5	#####	4.24	302,198	288,019	253,476
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	7.31%	26.8	15.53	1.61	543,333	631,952	408,819
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	6.29%	56.0	15.99	4.36	2,161,557	2,380,596	1,283,331
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	5.63%	31.0	9.21	1.31	1,655,331	1,971,966	1,220,586
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	5.63%	41.0	22.39	2.35	435,796	302,304	199,594
PVS	HNX	446.7	18,404.06	5.50%	41.2	10.63	2.26	6,102,632	5,158,049	3,579,500
PVD	HOSE	303.0	30,303.69	3.79%	100.0	13.05	2.76	1,023,995	673,542	455,232
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.48%	8.7	65.09	0.77	10,284,266	10,828,189	6,571,135
SHB	HNX	886.1	8,151.97	3.36%	9.2	9.43	0.75	6,455,130	6,572,921	5,518,924
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	3.27%	24.2	16.45	1.41	3,593,185	3,717,071	2,909,590
VCG	HNX	441.7	5,963.09	3.21%	13.5	10.42	1.07	2,285,364	1,743,156	1,135,416
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.07%	11.2	40.97	1.05	3,606,843	3,760,314	2,263,676
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.52%	59.5	13.31	3.61	352,285	290,485	259,147
GMD	HOSE	116.1	4,099.67	1.49%	35.3	8.19	0.86	1,359,046	947,531	437,213
PPC	HOSE	318.2	8,272.02	1.32%	26.0	16.91	1.64	1,363,058	1,075,572	744,766
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.16%	17.0	18.66	1.54	3,241,190	2,712,446	2,021,529
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 1.97	3.29	12,070,069	11,833,367	8,256,112

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	0.00%	56.0	15.99	4.36	2,161,557	2,380,596	1,283,331
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	#####	4.24	302,198	288,019	253,476
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.21	1.31	1,655,331	1,971,966	1,220,586
HAG	HOSE	790.0	19,117.22	0.00%	24.2	16.45	1.41	3,593,185	3,717,071	2,909,590
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	0.00%	26.8	15.53	1.61	543,333	631,952	408,819
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	7.71	1.24	662,347	529,221	377,568
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.00%	41.0	22.39	2.35	435,796	302,304	199,594
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.26	1.01	383,453	507,276	358,119
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	18.51	6.06	273,341	317,514	310,738

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.88%	82.5	#####	4.24	302,198	288,019	253,476
VIC	HOSE	1,403.3	78,586.11	0.56%	56.0	15.99	4.36	2,161,557	2,380,596	1,283,331
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.31%	19.2	7.71	1.24	662,347	529,221	377,568
VCB	HOSE	2,665.0	71,422.54	0.24%	26.8	15.53	1.61	543,333	631,952	408,819
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.15%	31.0	9.21	1.31	1,655,331	1,971,966	1,220,586
BVH	HOSE	680.5	27,899.33	0.08%	41.0	22.39	2.35	435,796	302,304	199,594

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,368	6.7	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,161	9.2	1.5	16.5%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,533	23.6	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	851	7.4	0.9	12.8%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,059	16.6	2.1	20.5%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,894	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,192	64.5	5.6	0.3%	0.0%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,245	16.4	1.5	11.4%	7.5%
Xây dựng	32,035	47.2	1.3	-1.2%	2.1%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,198	8.3	1.2	16.4%	8.4%
Công nghiệp phức hợp	835	6.9	1.6	13.6%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,349	6.8	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,770	18.0	0.9	0.4%	-0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,776	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,599	3.3	1.2	4.5%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,923	8.6	1.5	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,177	7.9	1.6	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,605	11.5	2.0	14.4%	7.1%
Đào tạo & Việc làm	231	9.6	0.8	8.7%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	187	8.3	0.8	11.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	181	2.7	0.8	35.4%	16.5%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,078	18.1	1.2	11.7%	6.2%
Lốp xe	8,535	10.6	3.1	27.5%	11.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,539	7.7	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	308	13.7	2.1	16.1%	10.1%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,690	11.8	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,259	24.4	4.8	20.6%	16.1%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	70	17.6	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,587	8.7	1.3	14.8%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	559	44.1	1.4	3.4%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,510	9.3	1.8	18.4%	7.2%
Giày dép	8	1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,284	9.8	1.8	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	762	8.5	1.2	-1.9%	3.6%

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.